

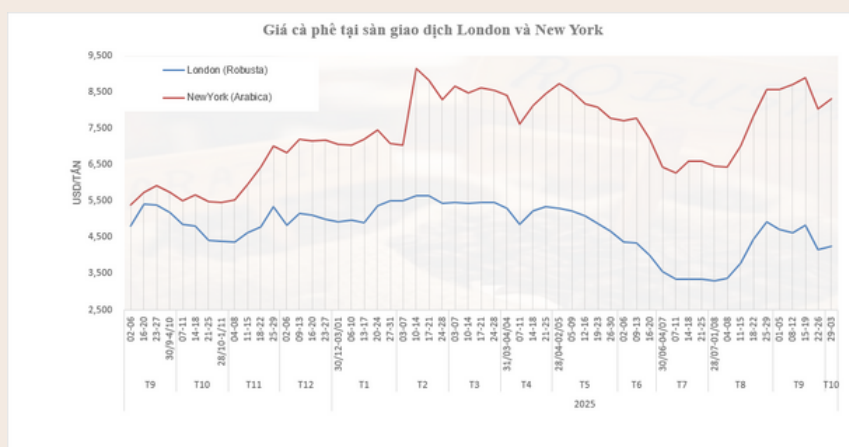
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tăng trên hai sàn giao dịch New York và London trong tuần từ 29/09/2025 - 03/10/2025.
- Brazil có thể thay thế Việt Nam trở thành quốc gia sản xuất Robusta lớn nhất thế giới.
- Xuất khẩu cà phê Robusta của Indonesia tháng 8/2025 tăng 44,98% so với cùng kỳ năm trước.
- Trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh Vân Nam đạt 1,1 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 29/09/2025 đến 03/10/2025, giá cà phê thế giới tăng trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2025 tại thị trường London bình quân đạt 4.262 USD/tấn, tăng 2,2% so với tuần trước và giảm 18% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.403USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.186 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2025 bình quân đạt 8.321 USD/tấn, tăng 3,5% so với tuần trước, và tăng 45% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.464 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 8.206 USD/tấn.[1]

BRAZIL

Theo báo cáo mới công bố của Ngân hàng Rabobank (Hà Lan), Brazil đang từng bước vượt qua Việt Nam để trở thành nhà sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới, nhờ khả năng thích ứng khí hậu cao và nhu cầu toàn cầu tăng mạnh đối với loại cà phê này. [2]

Trong những năm gần đây, sản lượng Robusta của Brazil tăng ổn định và được dự báo đạt 24,7 triệu bao (loại 60 kg) vào năm 2025, so với 19 triệu bao năm 2020. Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) ước tính sản lượng Robusta của Việt Nam trong niên vụ 2025–2026 sẽ đạt khoảng 30 triệu bao.[2] So với Arabica, Robusta có hàm lượng caffeine cao hơn, vị đậm hơn và độ bền sinh học cao hơn, giúp cây trồng này chịu hạn, chịu nhiệt

và chống sâu bệnh tốt hơn. Chính những đặc tính này khiến Robusta trở thành lựa chọn thích hợp trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng tiêu cực đến các vùng trồng Arabica truyền thống.[2]

Dữ liệu khí tượng cho thấy nhiệt độ tại các vùng trồng cà phê chủ chốt của Brazil đã tăng 1,3–1,6°C trong 50 năm qua, trong khi lượng mưa trung bình giảm từ 93–211 mm. Để thích ứng, khoảng 71% diện tích trồng Robusta tại Brazil hiện đã thiết kế để đảm bảo nước tưới, và quy mô này có thể mở rộng tới 363.800 ha vào năm 2040.[2]

Dù chi phí đầu tư cao (khoảng 15.700 USD/ha), năng suất Robusta cao hơn Arabica khoảng 170%, giúp hoàn vốn sau bốn năm. Brazil còn có 28 triệu ha đất thoái hóa, cho phép mở rộng sản xuất mà không phá rừng.[2]

INDONESIA

Theo số liệu thương mại của Chính phủ Indonesia, đảo Sumatra – vùng sản xuất cà phê lớn nhất quốc gia này – đã xuất khẩu 594.432 bao cà phê Robusta trong tháng 8/2025, tăng 44,98% so với cùng kỳ năm trước (184.427 bao). [3]

Tính trong 5 tháng đầu niên vụ 2025–2026 (từ tháng 4/2025 đến tháng 8/2025), tổng xuất khẩu Robusta của Indonesia đạt 2.832.521 bao, tăng 162,83% so với cùng kỳ niên vụ trước (1.754.816 bao). [3]

Về sản lượng sản xuất, niên vụ 2025–2026 sản lượng cà phê ước đạt 12 triệu bao, trong đó, khoảng 85% là cà phê Robusta.[3]

TRUNG QUỐC

Tỉnh Vân Nam, được xem là trung tâm sản xuất cà phê của Trung Quốc, đang ghi nhận bước nhảy vọt về xuất khẩu trong năm 2025 nhờ giá cà phê toàn cầu tăng và nhu cầu nhập khẩu mạnh từ hơn 30 quốc gia, bao gồm Đức và Việt Nam. [4]

Trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê và sản phẩm chế biến của Vân Nam đạt 7,7 tỷ nhân dân tệ (khoảng 1,1 tỷ USD)– mức cao nhất trong cả nước

Cùng với đó, các nhà máy chế biến địa phương đang đổi mới công nghệ để đáp ứng thị hiếu quốc tế. [4]

Vân Nam hiện có 1,2 triệu mẫu (khoảng 197.000 ha) đất trồng, chiếm gần toàn bộ sản lượng cà phê của Trung Quốc. Việc nguồn cung giảm ở các nước sản xuất lớn như Brazil đã đẩy giá cà phê kỳ hạn quốc tế lên mức cao nhất trong 50 năm, khiến giá hạt cà phê thô tại Vân Nam tăng từ 5.56 USD/kg cuối năm 2024 lên 9.17 USD/kg vào tháng 5/2025.[4]

Năm 2024, Vân Nam xuất khẩu 32.500 tấn cà phê, tăng 358% so với năm trước, theo số liệu của Hải quan Côn Minh.[4]

BRAZIL

Theo Cecafé, xuất khẩu cà phê Brazil năm 2025 ước đạt 40–41 triệu bao, giảm so với 50,6 triệu bao năm 2024. Nguyên nhân chính là thiếu nguồn cung trong nước, thuế 50% của Hoa Kỳ, và tắc nghẽn logistics. [5]

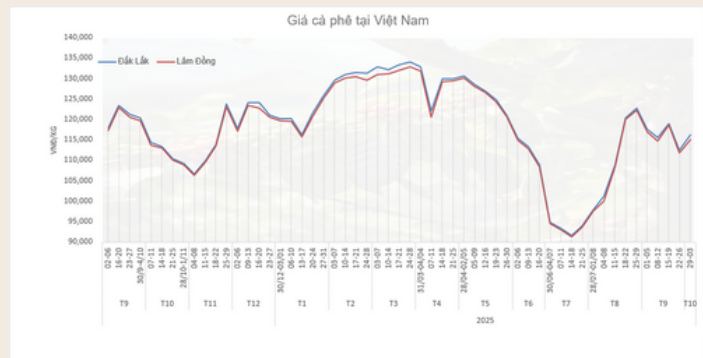
Từ tháng 1 đến tháng 8/2025, xuất khẩu đạt 25,3 triệu bao, giảm 21% so với cùng kỳ. Hoa Kỳ nhập khoảng 4 triệu bao. Đức hiện đã vượt Hoa Kỳ và trở thành quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Brazil tính đến thời điểm hiện tại.[5]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước.
- Trong 9 tháng năm 2025, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 1,23 triệu tấn với trị giá 6,98 tỷ USD.
- Trong 9 tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Gia Lai đạt hơn 975 triệu USD.
- Kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến của Việt Nam đạt 1,182 tỷ USD trong 8 tháng năm 2025.
- Niên vụ 2025/2026, cà phê Sơn La ghi nhận tín hiệu tích cực khi giá thu mua quả tươi đầu vụ đạt 21.000–23.000 VNĐ/kg.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 29/09/2025 đến ngày 03/10/2025, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 116.273 VNĐ/kg, tăng 3,3% so với tuần trước, và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 117.633 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 115.433 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 115.060 VNĐ/kg, tăng 2,9% so với tuần trước, và giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 116.500 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 114.300 VNĐ/kg. [1]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 9/2025.

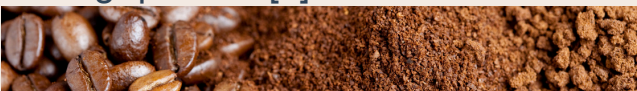
Theo Cục Hải quan, trong 9 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu 1,23 triệu tấn cà phê, trị giá 6,98 tỷ USD, tăng 11% về lượng và 61,4% về giá trị so với cùng kỳ 2024 — vượt xa kỷ lục cả năm 2024 (5,6 tỷ USD).[2]

Giá xuất khẩu bình quân tháng 9 đạt 5.679 USD/tấn, tăng 3,8% so với tháng 8/2025 và 1,7% so với cùng kỳ 2024. Tính chung 9 tháng, giá bình quân đạt 5.658 USD/tấn, tăng 45,3% so với năm trước.[2]

Trong 8 tháng đầu năm, Robusta tiếp tục là mặt hàng chủ lực với 949,6 nghìn tấn, trị giá 4,91 tỷ USD, tăng 5,8% về lượng và 57,3% về giá trị. Arabica cũng tăng mạnh, đạt 60,5 nghìn tấn, trị giá 401,3 triệu USD, tăng 120,3% về giá trị.

Đáng chú ý, cà phê chế biến trở thành động lực tăng trưởng mới, đạt 1,18 tỷ USD, tăng 63,5% so với cùng kỳ năm 2024.[2]

Cục Xuất nhập khẩu nhận định kết quả này cho thấy hiệu quả bước đầu của chính sách khuyến khích chế biến sâu, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và từng bước định vị lại vị thế cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế. [2]



GIA LAI

Trong 9 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu cà phê của Gia Lai đạt hơn 975 triệu USD, lần đầu tiên tiến sát mốc 1 tỷ USD. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ giá cà phê duy trì ở mức cao, bình quân 5.500 USD/tấn, tăng hơn 70% so với cùng kỳ năm 2024, giúp cà phê tiếp tục giữ vai trò mặt hàng xuất khẩu chủ lực và đóng góp quan trọng vào kim ngạch chung của tỉnh.[3]

Hiện Gia Lai có hơn 107.400 ha cà phê, trong đó 56.691 ha đạt các chứng nhận quốc tế như Organic, Rainforest Alliance và 4C, với sản lượng trên 333.250 tấn/năm; riêng xuất khẩu đạt khoảng 240.000 tấn, phân phối tới hơn 60 quốc gia. Để duy trì đà tăng trưởng, tỉnh đang tập trung xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị. Bên cạnh đó, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do được xem là nền tảng để Gia Lai củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng cà phê toàn cầu.

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CHẾ BIẾN VIỆT NAM.

Trong 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cà phê chế biến của Việt Nam đạt 1,182 tỷ USD, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2024 và vượt mốc 1 tỷ USD năm thứ hai liên tiếp. Từ năm 2023 đến nay, kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến luôn tăng trưởng hai con số, cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt từ xuất khẩu cà phê nhân sang chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng. [4]

Tại thị trường EU, giai đoạn 2015–2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến tăng bình quân 18%/năm, từ 45,6 triệu EUR lên 153 triệu euro, với khối lượng 31 nghìn tấn năm 2023, tăng gần 3 lần so với năm 2015. Điều này chứng tỏ cà phê chế biến Việt Nam đang mở rộng thị phần tại các thị trường khó tính.[4]

Các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI đã đầu tư mạnh vào nhà máy chế biến hiện đại, tập trung vào cà phê hòa tan và cà phê rang xay, giúp giá trị hạt cà phê tăng gấp 2–3 lần. Theo Grand View Research, quy mô thị trường cà phê toàn cầu năm 2024 đạt 269 tỷ USD, trong đó cà phê rang xay chiếm 56%, mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam. [4]

SƠN LA

Trong niên vụ 2025–2026, cà phê Sơn La ghi nhận tín hiệu tích cực khi giá thu mua quả tươi đầu vụ đạt 21.000–23.000 VNĐ/kg, gần gấp đôi niên vụ trước, nhờ biến động nguồn cung toàn cầu do Brazil giảm mạnh sản lượng. Sơn La hiện là vùng chuyên canh Arabica lớn nhất Việt Nam với 24.300 ha, chiếm 41% diện tích cả nước, sản lượng ước đạt 37.724 tấn, trong đó hơn 23.000 ha đã đạt chứng nhận bền vững (RA, 4C). Các hợp tác xã và doanh nghiệp như HTX Cà phê Bích Thảo và Công ty CP Phúc Sinh Sơn La đã chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, mở rộng công suất sơ chế và chế biến, đồng thời phát triển sản phẩm cà phê đặc sản, hữu cơ và Cascara nhằm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Nông hộ hưởng lợi từ các hợp đồng bao tiêu, hỗ trợ kỹ thuật và giá bán cao, giúp tăng năng suất khoảng 30% so với niên vụ trước. Cà phê Sơn La đã được cấp chỉ dẫn địa lý và xuất khẩu tới 20 quốc gia, đồng thời được dự báo tiếp tục mở rộng thị trường sang Châu Âu, Châu Mỹ, Trung Đông và Nhật Bản, góp phần nâng cao giá trị cà phê Việt Nam.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	115.300	114.300	114.700	116.500	114.500	115.060	3.260
Di Linh	115.300	114.300	114.700	116.500	114.500	115.060	3.260
Lâm Hà	115.300	114.300	114.700	116.500	114.500	115.060	3.260
Bảo Lộc	115.300	114.300	114.700	116.500	114.500	115.060	3.260
ĐẮK LẮK	116.433	115.933	115.933	117.633	115.433	116.273	3.740
Cư M'gar	116.500	116.000	116.000	117.700	115.500	116.340	3.740
Ea H'leo	116.400	115.900	115.900	117.600	115.400	116.240	3.740
Buôn Hồ	116.400	115.900	115.900	117.600	115.400	116.240	3.740
ĐẮK NÔNG	116.650	115.950	115.950	117.850	115.550	116.390	3.770
Gia Nghĩa	116.700	116.000	116.000	117.900	115.600	116.440	3.740
Đắk R'lấp	116.600	115.900	115.900	117.800	115.500	116.340	3.800
GIA LAI	116.300	115.733	115.733	117.433	115.100	116.060	3.787
Chư Prông	116.300	115.800	115.800	117.500	115.500	116.180	3.840
Pleiku	116 ,300	115.700	115.700	117.400	114.900	115.925	3.685
La Grai	116.300	115.700	115.700	117.400	114.900	116.000	3.760
KON TUM	116.300	115.700	115.700	117.400	114.900	116.000	3.760
Đắk Hà	116.300	115.700	115.700	117.400	114.900	116.000	3.760

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
[2]: <https://reuters.com>
[3]: <https://www.iandmsmith.com>
[4]: <https://www.scmp.com>
[5]: <https://www.iandmsmith.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
[2]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
[3]: <https://baogialai.com.vn>
[4]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
[5]: <https://baosonla.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả